

Bản án số: 292/2024/DS-PT
Ngày: 05/12/2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 143/TB.TA ngày 23 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liêu Hoàng L, sinh năm 1944 (chết ngày 26/02/2022)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Liêu Hoàng L gồm:

1.1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1948; nơi cư trú: Số E đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N: Bà Liêu Hoàng Thủy T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số E, đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số 718, Quyền số 01/2023-SC/CK,ĐC ngày 21/8/2023 được lập tại Văn phòng C4).

1.2. Bà Liêu Hoàng Thủy T, sinh năm 1974;

1.3. Ông Liêu Hoàng Trường X, sinh năm 1978;

Cùng cư trú: Số E đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.4. Bà Liêu Hoàng Tường V, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số F đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Liêu Hoàng Tường V: Bà Liêu Hoàng Thủy T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số E, đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số chứng thực 744, Quyền số 01/2024-SCT/CK,ĐC ngày 25/7/2024 được lập tại Văn phòng C4)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị N: Ông Đặng Thái H là Luật sư Công ty L7 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số E đường A khu N, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1933 (chết ngày 28/8/2023)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim C gồm:

2.1.1. Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1959; nơi đăng ký thường trú: Số E đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Trại giam A2 - Cục A3 - Bộ C5;

2.1.2. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1961;

2.1.3. Ông Lê Ngọc G, sinh năm 1963;

2.1.4. Ông Lê Tấn B, sinh năm 1968;

Cùng cư trú: số 5A/10 đường Lê Quý Đôn, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

2.2. Bà Võ Thị Thu N1, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số 185/5B2, tổ 127, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1961;

3.2. Ông Lê Ngọc G, sinh năm 1963;

3.3. Ông Lê Tấn B, sinh năm 1968;

Cùng cư trú: Số E đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1959;

3.5. Ông Lê Đình H1, sinh năm 1984;

3.6. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1983;

Cùng cư trú: Phòng 3, số E đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.7. Ông Hồng Võ Ngọc P1 (H2), sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 185/5B2, tổ 127, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3.8. Bà Hồng Võ Phượng N2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số I, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.9. Ông Nguyễn Thiện L1, sinh năm 1957;

3.10. Chị Lê Thị Cẩm Đ, sinh năm 2003;

3.11. Chị Lê Yến N3, sinh năm 1985; anh Trần Đình T2, sinh năm 1980; cháu Trần Đình P2, sinh ngày 27/6/2010; cháu Trần Lê Ngọc C1, sinh ngày 08/9/2016; cháu Trần Đình P3, sinh ngày 21/01/2019 do cha mẹ ruột chị Lê Yến N3 và anh Trần Đình T2 là người đại diện theo pháp luật;

3.12. Bà Đinh Thị Ngọc C2, sinh năm 1980; cháu Lê Tấn B1, sinh ngày 11/11/2009 và cháu Lê Đình T3, sinh ngày 14/12/2015 do cha mẹ ruột ông Lê Tấn B và bà Đinh Thị Ngọc C2 là người đại diện theo pháp luật;

3.13. Anh Nguyễn Trần Hữu P4, sinh năm 1995;

Cùng cư trú: Số E đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.14. Cháu Lê Trọng P5, sinh ngày 18/9/2005, cháu Lê Thùy L2, sinh ngày 20/10/2008, cháu Lê Thùy L3, sinh ngày 14/11/2009, cháu Lê Trọng T4, sinh năm 2013 và cháu Lê Thùy M, sinh năm 2018 do cha mẹ ruột ông Lê Đình H1 và bà Phạm Thị T1

Cùng cư trú: Phòng 3, số E đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.15. Ủy ban nhân dân phường M; Trụ sở: Số G đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

4. *Người kháng cáo:* Các ông, bà Bùi Thị N, Liêu Hoàng T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L.

(Bà N, bà Thủy T, bà Kim Y, ông Ngọc P1 có mặt; còn lại tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Liêu Hoàng L trình bày:*

Cha mẹ ruột của ông Liêu Hoàng L là ông Liêu Thành T5 và bà Huỳnh Thị N4 làm Tờ cho đất ngày 09 tháng 03 năm 1974, cho ông L một phần đất với diện tích 15m x 25m, tổng diện tích đất 375m², có chứng thực của chính quyền xã M, vị trí khu đất nằm ở đường L, thuộc khu đất hương hỏa địa bộ cũ số 28, địa bộ mới 78, số bản đồ 08 của ông Điều Song C3 là chủ thừa kế hợp pháp nhưng trong nội bộ các anh em của ông L có tranh chấp nên diện tích đất có giảm sau khi các bên thống nhất ranh đất ai thì người đó quản lý nên diện tích còn lại là 285,6m². Trước năm 1975, vì hoàn cảnh khó khăn phải đi làm ăn xa ông L có giao nhà đất lại cho mẹ là bà Huỳnh Thị N4 trông coi, đến khi ông L về thì thấy căn nhà của ông L do bà Nguyễn Thị Kim C ở và không đồng ý trả lại nhà cho ông L nên xảy ra tranh chấp. Đến ngày 14/11/1983, Ủy ban nhân dân phường M lập biên bản hòa giải tại nội dung biên bản hòa giải bà C có cam kết di dời trả lại nhà từ ngày 24/11/1983 đến ngày 30/12/1983 và cho bà C mượn mượn 01 cái nền đất bề ngang 4m x bề dài 5 m, diện tích chỉ 20 m² nhưng từ thời điểm lập biên bản hòa

giải cho đến nay bà C dời nhà ra phía sau mà không thực hiện đúng cam kết trả lại đất, gia đình bà C xây dựng ngày càng lấn chiếm rộng diện tích ra như hiện nay. Gia đình ông L là người chủ sử dụng hợp pháp căn cứ theo biên bản hòa giải ngày 14/11/1983 nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và gia đình phải di dời toàn bộ nhà ở, cùng các vật dụng liên quan đi nơi khác, trả lại mặt bằng 72,3m² đất mà gia đình bà C đã chiếm của ông Liêu Hoàng L theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Liêu Hoàng L và bà Nguyễn Thị Kim C do Văn phòng Đ4 chi nhánh L8 lập ngày 18/6/2015

+ Buộc bà Võ Thị Thu N1 là vợ của ông Hồng Văn P6 trả lại phần đất 11,8 m² theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Liêu Hoàng L và bà Nguyễn Thị Kim C do Văn phòng Đ4 chi nhánh L8 lập ngày 18/6/2015 cho ông Liêu Hoàng L. Vì phần đất đó vợ chồng ông P6 đã mua bán bất hợp pháp với bà Nguyễn Thị Kim C và bà C chịu trách nhiệm việc mua bán này

+ Hủy bỏ Văn bản số 423/UBP ngày 19/12/1983 của Ủy ban nhân dân phường M xác nhận cho bà Nguyễn Thị Kim C bán đất cho ông Hồng Văn P6 (bà Võ Thị Thu N1 là vợ) là văn bản trái pháp luật bởi trong biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân phường M ngày 14/11/1983 có ghi rõ từ người ở thuê, ở nhờ lại đi bán đất cho người khác có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M.

Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu phải bồi thường cho gia đình bà C với mức giá là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) thì các ông bà không đồng ý.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:* Trước năm 1975, bà có mướn đất của bà Huỳnh Thị N4 dài 10m, ngang 4m với giá 20.000 đồng trong thời gian 20 năm. Bà mở quán bán cà phê, cơm tấm thì bà Huỳnh Thị N4 thường tới ăn uống bà không lấy tiền. Năm 1975 giải phóng, gia đình con cái bà N4 đều thất nghiệp mỗi người đều có từ 3, 4 đứa con nhưng không ai làm ra tiền. Trong khi đó ông Liêu Hoàng L đem vợ và 04 con về sống cùng bà N4 nhưng cũng thất nghiệp vì mới cải tạo về. Bà N4 không có tiền, con đông nên phải cho mướn đất rẻ trong thời gian 20 năm chỉ có 20.000 đồng. Bà N4 thường tâm sự với bà, giữa hai người thân thiết như mẹ con. Khi bà C cất nhà thì có người nhờ bà hỏi giúp bà N4 thuê đất, tất cả đất của bà N4 đều do bà giới thiệu mỗi mướn đất đến bán đất.

Khi bà Võ Thị Thu N1 đến mua nhà có làm giấy tờ mua bán thì có mặt phường, khóm, tổ và cả chủ đất (bà N4). Khi vợ chồng bà N1 đến đây ở thì con của bà Thu N1 chết nên mới đóng cửa đi nơi khác. Ông Liêu Hoàng L là người làm sập nhà và bà N1 có kêu thợ chụp hình lại có bà tận mắt chứng kiến. Bà và các con của bà đã trao đổi thống nhất ý kiến là gia đình bà Bùi Thị N phải bồi thường cho gia đình bà với mức số tiền là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) thì gia đình bà sẽ di dời đi nơi khác

* *Bị đơn bà Võ Thị Thu N1 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:* Bà là vợ của ông Hồng Văn P6, sinh năm 1945 đã chết. Năm 1980, vợ

chồng bà cùng con gái nhỏ 02 tuổi không có nhà ở phải thuê mướn nhà của ông Nguyễn Văn S để ở hiện nay là Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh A, vợ chồng bà sống ở đây gần 03 năm. Năm 1983, bà Nguyễn Thị Bích L4 em vợ của ông Liêu Hoàng A là anh thứ ba của ông Liêu Hoàng L, bà L4 là người chỉ cho vợ chồng bà mua chái nhà với mức tiền vừa thu nhập kiếm được hàng tháng. Ngày 12/5/1983, vợ chồng bà mua 01 căn nhà nhỏ ngang 3m, dài 4m của chủ đất và được cấp hộ khẩu thường trú số E, Lê Quý Đ1, việc chuyển nhượng này có sự chứng kiến của Tổ trưởng Tổ 1, xóm B và bà Huỳnh Thị N4 (mẹ ruột ông Liêu Hoàng L), bà Nguyễn Thị Kim C lúc này gọi nhau là mẹ con nhưng khi đó gia đình ông Liêu Hoàng L không có ở địa phương. Bà C có ký tên còn bà Huỳnh Thị N4 có lấy số tiền vợ chồng bà trả khi mua đất. Khi mua thì vợ chồng bà mới biết chái nhà này bà Huỳnh Thị N4 đã bán qua hai ba người, vợ chồng bà là người sau cùng ở đây, vì bán qua nhiều người nên bà N4 ngại không ký tên vào tờ mua bán chuyển nhượng đất nữa có bà Đoàn Tuyết A1 là người sinh sống rất lâu nên hiểu rõ, tường tận sự việc mới đứng ra làm chứng. Chái lá có diện tích 4m x dài 3m bằng 12m², số tiền chuyển nhượng là 7.000 đồng, khi sang nhượng có tổ, xóm, phường chứng thực vợ chồng bà ở từ năm 1983.

Năm 1991, bà được đoàn kê khai nhà đất xác nhận, chính bà Huỳnh Thị N4 dắt đoàn đi kê khai và bà có mẫu kê khai đất, vợ chồng bà cũng có sổ hộ khẩu thường trú do trưởng công an cấp.

Đến năm 1992, gia đình ông Liêu Hoàng L về đây sinh sống, vợ chồng bà vẫn sinh sống tại đây và khi đi họp tổ lúc đó vợ chồng ông Liêu Hoàng L biết và kêu vợ chồng bà mua bao nhiêu ở bấy nhiêu không được lần ra nhưng một thời gian thì ông Liêu Hoàng L nhiều lần gây chuyện với gia đình bà. Sau vì làm ăn thất bại hai con của bà không khỏe nên vợ chồng bà mới xuống sống nhờ người em ở số D N (em tên Nguyễn Thế L5). Nhưng hàng tháng vẫn họp tổ và chấp hành chủ trương phường đề ra.

Căn nhà 3m x 4m của vợ chồng bà có cấu trúc là nhà cột tràm nên ông Liêu Hoàng L cho người đập sập và có ý đồ chiếm dụng phần đất này bằng cách xây hàng rào bao phủ lên phần đất của vợ chồng bà. Khi vợ chồng bà biết được sau nhiều lần tranh chấp và xử lý thì tổ đưa ra phường để buộc ông Liêu Hoàng L trả mặt bằng 12m² lại cho bà. Ông Liêu Hoàng L đã tháo hàng rào trả lại mặt bằng tuy không đúng như trước, ông S1 cán bộ nhà đất phường bảo khi nào cất nhà sẽ đo lại nhưng ông Liêu Hoàng L bảo còn tranh chấp và nhiều lần ngăn cản, đe dọa gia đình bà nên bà không dựng lại nhà với bất kì hình thức nào được. Do, hoàn cảnh khó khăn nên gia đình bà N1 tạm rời miếng đất 5/10c Lê Quý Đ2 nhưng vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ sở hữu đất (Các loại thuế nhà đất, mẫu kê khai đăng kí nhà đất, sổ hộ khẩu 5/10c L)

Ông Liêu Hoàng L tranh cãi mãi bà phải tìm nơi ở mới đến nay hoàn cảnh bà N1 vẫn khó khăn, bà N1 có đến Ủy ban nhân dân phường M xin cho cất lại để mẹ con bà N1 có nơi tránh mưa tránh nắng. Hiện nay, bà đã quá sức lao động không làm ra tiền rất khó khăn bà chỉ có miếng đất 3m x dài 4m bằng 12m² xin cho bà N1 được dựng lại nhà trên đất.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Y có ý kiến trình bày:* Bà thống nhất ý kiến trình bày của mẹ bà là bà Nguyễn Thị Kim C, bà có ý kiến nếu gia đình ông L yêu cầu trả đất thì gia đình ông L phải trả căn nhà phía trước cho gia đình các ông bà còn nếu lấy lại đất thì phải bồi thường thỏa đáng theo ý kiến của mẹ bà là số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), gia đình sẽ đòi đi.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện L1 có ý kiến trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Kim C và bà Lê Thị Kim Y không có ý kiến gì khác

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Võ Ngọc P1 có ý kiến trình bày:* Cha mẹ ông đã mua đất với diện tích 12 m², trước đây có căn nhà bằng lá nhưng do ông Liêu Hoàng L làm sập căn nhà và rào đất của cha mẹ ông lại. Gia đình ông cũng có khiếu nại và địa phương giải quyết buộc ông L tháo dỡ hàng rào nơi có đất của gia đình cha mẹ ông đã mua. Vì tranh chấp nên không thể cất nhà hay sinh sống được, tuy nhiên gia đình ông có kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định, việc chuyển nhượng diện tích đất có sự xác nhận của chính quyền địa phương và có chủ đất chứng kiến. Mẹ ông có cho biết người nhận tiền là chủ đất bà Huỳnh Thị N4 nên cha mẹ ông mới vào đây ở và sinh sống được từ năm 1983. Việc chuyển nhượng này là hợp pháp nên mới được xác nhận của chính quyền địa phương về nội dung chuyển nhượng đất. Đối với việc gia đình ông L tranh chấp và yêu cầu hủy Văn bản số 423/UBP ngày 19/12/1983 của Ủy ban nhân dân phường M xác nhận cho bà Nguyễn Thị Kim C bán đất cho ông Hồng Văn P6 (bà Võ Thị Thu N1 là vợ) thì ông không đồng ý.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc G, ông Lê Tấn B, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Đình H1 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:* Các ông bà là con của bà Nguyễn Thị Kim C, C L, phường M, khóm B, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo lời trình bày của mẹ của các ông bà là bà C là sự thật lúc đó đất cho mượn là 20.000 đồng, gia đình sử dụng thời gian 20 năm và bà Thu N1 mua căn nhà kế nhà ông bà là 500.000 đồng theo ý của ông bà mong tòa án xem xét lại và ông L nên trả nhà đất lại cho bà Thu N1 vì đất đó chỉ có 10,3 m² còn nhà ông bà nếu ông L đòi lại thì phải trả lại căn nhà phía trước mặt tiền cho ông bà.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Cẩm Đ vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:* Chị thống nhất với ý kiến của mẹ là bà Lê Thị Kim Y không có ý kiến bổ sung

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1, bà Hồng Võ Phượng N2, chị Lê Yến N3, anh Trần Đình T2, cháu Trần Đình P2, cháu Trần Lê Ngọc C1, cháu Trần Đình P3 (do cha mẹ ruột chị Lê Yến N3 và anh Trần Đình T2 là người đại diện theo pháp luật), bà Đình Thị Ngọc C2, cháu Lê Tấn B1 và cháu Lê Đình T3 (do cha mẹ ruột ông Lê Tấn B và bà Đình Thị Ngọc C2 là người đại diện theo pháp luật), anh Nguyễn Trần Hữu P4, cháu Lê Trọng P5, cháu Lê Thùy L2, cháu Lê Thùy L3, cháu Lê Trọng T4 và cháu Lê Thùy M (do cha mẹ ruột ông Lê Đình H1 và bà Phạm Thị T1 là người đại diện theo pháp luật):* vắng mặt không có ý kiến trình bày

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường M: vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 và khoản 5 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 232, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa vụ trước ngày 01/7/1991; Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về nhà đất do nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991. Tuyên xử: Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L, chết ngày 26/02/2022 do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm: Bà Bùi Thị N, bà Liêu Hoàng Tường V, bà Liêu Hoàng Thủy T, ông Liêu Hoàng Trường X tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Kim C, bà Võ Thị Thu N1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/4/2023, các ông, bà Bùi Thị N, Liêu Hoàng T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã thu thập được tài liệu, chứng cứ: Ngày 28/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Công văn số 887/TA-DS gửi Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phối hợp hoạt động. Đến ngày 16/10/2024, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã nhận được Công văn trả lời số 1434/UBND-NC ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc Quyết định thu hồi đất số 58/QĐ-UB.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Bà Liêu Hoàng Thủy T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả lại đất đã chiếm cho gia đình bà.

Bà Lê Thị Kim Y trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn. Gia đình bà đồng ý di dời nhà, trả lại đất với điều kiện phía nguyên đơn phải bồi thường thỏa đáng.

Ông Hồng Võ Ngọc P1 trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn. Cha mẹ ông đã mua đất từ năm 1983, gia đình ông đã kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định.

Luật sư Đặng Thái H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị N trình bày quan điểm tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/NQ-QH11 ngày 26/11/2003; Điều 7 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 là áp dụng sai các quy phạm pháp luật để tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì, phía nguyên đơn có đầy đủ giấy tờ chứng minh ông Liêu Thành T5, bà Huỳnh Thị N4 (cha, mẹ ông Liêu Hoàng L) đã cho ông L phần diện tích đất 285,6m² từ năm 1974, gia đình ông L đã cất nhà năm 1976, kê khai đăng ký nhà đất có xác nhận của UBND xã M ngày 09/9/1976 và quản lý, sử dụng, nộp thuế đất liên tục cho đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 14/11/1983, bà C ký xác nhận có mượn nhà bà N4 và được bà N4 cho mượn một nền nhà phía trong để dời sang trong thời hạn 01 năm. Còn đối với Tờ nhượng nhà năm 1983, chỉ có chữ ký của bà C và phía bà N1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà N4, ông L là người đã chuyển nhượng và nhận tiền chuyển nhượng đất. Đồng thời, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cũng không quy định việc chủ thể đang sinh sống trên đất, có hộ khẩu, số nhà là căn cứ, cơ sở chứng minh chủ thể đó được Nhà nước giao đất, cho thuê đất cũng như chứng minh nguồn gốc đất của chủ thể đó sở hữu hợp pháp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 127/2005/NĐ-CP; khoản 9 Điều 26 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Hoàng L. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim C, ông Hồng Văn P6 giao trả toàn bộ diện tích đất tại thửa số 12, 14, tờ bản đồ số 10 cho gia đình ông Liêu Hoàng L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Theo biên bản hòa giải ngày 14/11/1983, thể hiện nội dung tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị N4 với bà Nguyễn Thị Kim C không phải đất do ông Liêu Hoàng L trực tiếp quản lý. Nguồn gốc đất thể hiện nằm trong địa bộ cũ của ông bà của ông L và gia đình đã thực hiện việc tự chia đất, cụ thể theo tờ chia đất ngày 09/3/1974 của ông Liêu Thành T5, bà Huỳnh Thị N4 cho ông Liêu Hoàng L, cũng như tại thời điểm các đương sự phát sinh tranh chấp, địa phương hòa giải tranh chấp giữa các hộ vào ngày 14/11/1983 thì diện tích đất thỏa thuận, cũng như việc bà C ký xác nhận chuyển nhượng cho gia đình ông Hồng Văn P6

được địa phương xác nhận việc chuyển nhượng của các bên đã bị Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 05/5/1980 của UBND tỉnh A về việc thu hồi đất địa chủ cho thuê điều chỉnh. Thực tế diện tích đất tranh chấp vẫn do các hộ quản lý, sử dụng việc các bên có sửa chữa, xây dựng nhà vật kiến trúc trên đất vẫn không có cơ quan quản lý về đất đai xử lý đối với hành vi này cũng như căn cứ theo Công văn số 649/UBND-NC ngày 16/02/2023 của UBND thành phố L thì vị trí đất theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L8 lập ngày 18/6/2015 nằm trong diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 05/5/1980 của UBND tỉnh A về việc thu hồi đất địa chủ cho thuê. Đồng thời, căn cứ Công văn số 1434/UBND-NC ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh A, xác định từ thời điểm thu hồi đất của ông Điều Song C3 theo quyết định số 58/QĐ.UB ngày 05/5/1980 và Thông báo số 69/TB-UBND ngày 21/4/2010 về giải quyết khiếu nại đối với gia tộc họ Liêu, đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có văn bản khác thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung. Như vậy, Nhà nước chỉ xem xét trả lại diện tích 770,60m² đất khuôn viên, có căn nhà phủ thờ và căn nhà số H, đường L, phường M, thành phố L cho dòng họ Liêu thì không còn trả lại diện tích đất nào khác. Do đó, căn cứ các chính sách về đất đai qua các thời kỳ và Điều 7 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà Bùi Thị N, Liêu Hoàng T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Liêu Hoàng L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các ông, bà Bùi Thị N, Liêu Hoàng T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ, riêng bà Bùi Thị Nghĩa L6 người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền:

- Bà Bùi Thị N ủy quyền cho bà Liêu Hoàng Thủy T đại diện theo Giấy ủy quyền số 718, Quyền số 01/2023-SC/CK,ĐC ngày 21/8/2023 được lập tại Văn phòng C4.

- Bà Liêu Hoàng Tường V ủy quyền cho bà Liêu Hoàng Thủy T đại diện theo Giấy ủy quyền số 744, Quyền số 01/2024-SCT/CK,ĐC ngày 25/7/2024 được lập tại Văn phòng C4.

Hội đồng xét xử xét thấy các thủ tục ủy quyền trên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo ông Liêu Hoàng Trường X có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn phải trả lại phần đất đã chiếm

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 05/5/1980 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc thu hồi đất địa chủ cho thuê và Công văn số 649/UBND-NC ngày 16/02/2023 của UBND thành phố L xác định vị trí đất các bên đang tranh chấp theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh L8 lập ngày 18/6/2015 nằm trong diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 58/QĐ-UB. Như vậy, tại thời điểm các đương sự phát sinh tranh chấp được UBND phường M tổ chức hòa giải vào ngày 14/11/1983 cũng như việc bà C ký xác nhận chuyển nhượng cho gia đình ông Hồng Văn P6 được UBND phường M xác nhận việc chuyển nhượng ngày 19/12/1983 thì toàn bộ các phần đất này đã bị Nhà nước thu hồi, điều chỉnh theo Quyết định số 58/QĐ-UB.

Đến ngày 21/4/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh A ký Thông báo số 69/TB-UBND công bố kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Đoàn công tác giải quyết khiếu nại của tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của gia tộc họ Đ3 (Liêu) như sau:

“1. Về phủ thờ, do vấn đề tâm linh, Đoàn Công tác kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ lại phủ thờ làm nơi thờ cúng. BTV Tỉnh ủy chấp nhận cho hợp thức hóa theo qui định của pháp luật. Gia tộc cũng phải cử đại diện hợp pháp làm thủ tục.

2. Đối với các phần đất mà các hộ là con cháu họ Liêu đang sử dụng (kể cả đã bán cho một số hộ khác sử dụng), các hộ đang sử dụng và đất tập thể cơ quan Nhà nước đang sử dụng: Được hợp thức hóa theo qui định của pháp luật; trong đó, còn phải xét thời gian sử dụng để tính thuế theo quy định.

3. Về qui hoạch giao thông trong khu vực, do khu vực này hiện nay không đảm bảo phòng cháy chữa cháy, không đảm bảo vệ sinh môi trường nên cần qui hoạch lại, giao UBND thành phố L liên hệ Sở Xây dựng nhanh chóng tiến hành việc qui hoạch khu vực và công bố phục vụ cho quá trình hợp thức hóa theo qui định.

4. Về yêu cầu xin lại đất nhà tập thể Công ty T6, phần đất Công ty T6 sử dụng làm nhà tập thể, Nhà nước đã trực tiếp quản lý sử dụng từ trước đến nay,

theo quy định của pháp luật đất đai thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của Nhà nước. Các hộ gia tộc họ Điêu có thể gửi đơn kiến nghị hoặc khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền xem xét theo trình tự thủ tục quy định. Ngoài các phần đất giải quyết cho các hộ được hợp thức hóa theo qui định, quyết định thu hồi đất trước đây vẫn còn hiệu lực đối với các phần đất còn lại trong khu vực”.

Đối với chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh A là phù hợp theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội quy định:

“Điều 1. Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất.”

Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng là người thuê, mượn, ở nhờ từ trước khi Nhà nước có văn bản quản lý hoặc người đang trực tiếp sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân. Người đang trực tiếp sử dụng được tiếp tục sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sử dụng nhà đất thuộc sở hữu”* và Điều 7 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*1. Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải thực hiện các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 mà cơ quan nhà nước đã trưng dụng có thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lại nhà ở đó cho chủ sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này. 2. Nhà đất mà Nhà nước đã trưng dụng nhưng không thuộc diện được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân đối với nhà đất đó. Tổ chức, cá nhân đang sử dụng được tiếp tục sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sử dụng nhà đất thuộc sở hữu toàn dân.”*

Như vậy, căn cứ vào các chính sách về đất đai qua các thời kỳ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy bỏ Văn bản số 423/UBP ngày 19/12/1983 của Ủy ban nhân dân phường M xác nhận cho bà Nguyễn Thị Kim C bán đất cho ông Hồng Văn P6 (bà Võ Thị Thu N1 là vợ) là văn bản trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là về nội dung quản lý về hành chính tại địa phương chỉ thực hiện chức năng quản lý nên phường M xác nhận các nội dung của các hộ đây không phải là quyết định cá biệt nên đối với việc yêu cầu hủy là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà Bùi Thị N, Liêu Hoàng T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc xem xét thẩm định tại 2.566.000 đồng và chi phí định giá tài sản với số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tự nguyện chịu nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Phiếu thu ngày 29/8/2012, ngày 21/5/2015; biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003073 ngày 06/10/2012, số 0003664 ngày 20/7/2015 của Văn phòng Đ4 chi nhánh L8; Phiếu thu số 000302 ngày 24/10/2022 của Công ty Cổ phần T7.

[4] Về án phí:

[4.1] Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là các ông, bà Liêu Hoàng Thủy T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V – mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bà Bùi Thị N thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm .

[4.2] Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông, bà Liêu Hoàng Thủy T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Riêng bà Bùi Thị Nghĩa L6 người cao tuổi và có đơn xin miễn nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị N, bà Liêu Hoàng Thủy T, ông Liêu Hoàng Trường X và bà Liêu Hoàng Tường V là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 5, Điều 7 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-

UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 186, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L (chết ngày 26/02/2022) do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm: Bà Bùi Thị N, bà Liêu Hoàng Tường V, bà Liêu Hoàng Thủy T và ông Liêu Hoàng Trường X tranh chấp quyền sử dụng đất với các bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và bà Võ Thị Thu N1.

2. Về chi phí đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Nguyên đơn ông L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm: Bà Bùi Thị N, bà Liêu Hoàng Tường V, bà Liêu Hoàng Thủy T, ông Liêu Hoàng Trường X đã nộp đủ đối với chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá tài sản số tiền 10.566.000 đồng (*Mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Dân sự sơ thẩm:

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Liêu Hoàng L (chết ngày 26/02/2022) gồm các ông, bà Liêu Hoàng Thủy T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V - mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 08545 ngày 28/10/2014, số 0001553 ngày 28/7/2022; số 0001554 ngày 28/7/2022, số 0001555 ngày 28/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L; riêng bà Bùi Thị Nghĩa L6 người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm bà Bùi Thị N, bà Liêu Hoàng Tường V, bà Liêu Hoàng Thủy T, ông Liêu Hoàng Trường X được nhận lại số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C (gồm bà Lê Thị Kim P, bà Lê Thị Kim Y, ông Lê Ngọc G, ông Lê Tấn B) và bà Võ Thị Thu N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Dân sự phúc thẩm: Các ông, bà Liêu Hoàng Thủy T, Liêu Hoàng Trường X và Liêu Hoàng Tường V – mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001720 ngày 05/5/2023, số 0001721 ngày 05/5/2023 và số 0001722 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L. Bà Bùi Thị Nghĩa L6 người cao tuổi và có đơn xin nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng